ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5515 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000

Địa điểm: Huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 27/4/2012 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đan Phượng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND Thành phố

về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch-Kiến trúc tại Tờ trình số 3806/TTr-QHKT ngày 25/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000.

Địa điểm: Huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. Phạm vi, ranh giới, thời hạn lập quy hoạch:

2.1. Phạm vi:

Gồm toàn bộ diện tích theo địa giới hành chính huyện Đan Phượng, quy mô khoảng 7.735,48 ha.

2.2. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp sông Hồng và huyện Mê Linh.
- Phía Đông giáp quận Bắc Từ Liêm.
- Phía Nam giáp huyện Hoài Đức.
- Phía Tây giáp huyện Phúc Thọ.

2.3. Thời hạn:

Định hướng đến năm 2030.

3. Tính chất, mục tiêu:

3.1. Tính chất:

Là huyện ngoại thành phía Tây Bắc trung tâm thành phố Hà Nội với tính chất cơ bản của Huyện là phát triển: trung tâm văn hóa, thương mại, tài chính, giáo dục và đào tạo; tiểu thủ công nghiệp làng nghề, dịch vụ, du lịch gắn với nông nghiệp sinh thái.

3.2. Mục tiêu:

Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011.

Rà soát, khớp nối các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư có liên quan. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp đối với các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc đang triển khai nghiên cứu có sự thay đổi về ranh giới hoặc kiến nghị thay đổi chức năng cần cập nhật vào đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000.

Phát triển huyện Đan Phượng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương, tương xứng với vị trí ở vùng đô thị phía Tây thành phố Hà Nội, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển đô thị trung tâm Hà Nội.

Khai thác và phát huy cao nhất các lợi thế cạnh tranh của huyện Đan Phượng, đặc biệt tập trung vào phát triển tiềm lực khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, tiểu thủ công nghiệp kết hợp dịch vụ - du lịch và sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế của Huyện và phát triển bền vững của thành phố Hà Nội.

Định hướng phát triển không gian đô thị và nông thôn: xác định động lực phát triển đô thị, mô hình và hướng phát triển các hệ thống trung tâm, các khu vực dân cư nông thôn, tổ chức không gian kiến trúc cho các vùng cảnh quan, phạm vi và quy mô các khu chức năng trên địa bàn Huyện.

Xác định các chỉ tiêu đất đai, quy mô dân số các khu vực phát triển đô thị, nông thôn, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và các công trình kỹ thuật đầu mối.

Làm cơ sở tổ chức lập các quy hoạch và dự án đầu tư; Kiểm soát phát triển và quản lý đô thị; Cập nhật, hướng dẫn, kiến nghị hướng giải quyết các đồ án, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Làm cơ sở đề xuất các dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện.

Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng làm cơ sở lập quy hoạch, dự án đầu tư và là cơ sở pháp lý để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

4. Các chỉ tiêu phát triển huyện Đan Phượng:

4.1. Quy mô dân số dự báo:

Quy mô dân số dự báo: đến năm 2020 khoảng 182.079 người (dân số đô thị khoảng 110.710 người, dân số nông thôn khoảng 71.369 người); đến năm 2030 khoảng 183.000 người (dân số đô thị khoảng 117.390 người, dân số nông thôn khoảng 65.610 người).

4.2. Quy mô đất đai:

Tổng diện tích tự nhiên (toàn bộ địa giới hành chính huyện Đan Phượng) là 7735,48 ha. Trong đó, khu vực phát triển đô thị khoảng 3102,04 ha; khu vực nông thôn khảng 4633,44 ha.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất huyện Đan Phượng đến năm 2030

STT	Chức năng sử dụng đất	Quy hoạch đến năm 2020 (Dân số 182.079 người)			Quy hoạch đến năm 2030 (Dân số 183.000 người)		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m^2/người)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m^2/người)
I	**Tổng**	**7.735,48**	**100,00**		**7.735,48**	**100,00**	
1	Đất khu vực phát triển đô thị	3.102,04	40,10		3.102,04	40,10	
2	Đất khu vực nông thôn	4.633,44	59,90		4.633,44	59,9	
A	**Đất khu vực phát triển đô thị**	**3.102,04**	**100,00**		**3.102,04**	**100,00**	
A1	**Đất dân dụng**	**1.710,86**	**55,15**	**154,50**	**2.100,89**	**67,73**	**178,97**
1	Đất các đơn vị ở, nhóm ở (*)	1.000,46	32,25	90,40	1.007,21	32,47	85,80
2	Đất công trình công cộng	54,15	1,75	4,90	68,94	2,22	5,87

STT	Chức năng sử dụng đất	Quy hoạch đến năm 2020 (Dân số 182.079 người)			Quy hoạch đến năm 2030 (Dân số 183.000 người)		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m^2/người)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m^2/người)
3	Đất cây xanh - công viên - TDTT	334,46	10,78	30,20	488,46	15,75	41,61
4	Đất giao thông	216,43	6,98	19,50	277,49	8,95	23,64
5	Các loại đất khác trong phạm vi khu dân dụng	105,36	3,40		258,79	8,34	
5.1	*Đất hỗn hợp*	*86,04*			*88,07*		
5.2	*Đất cơ quan, viện nghiên cứu, trường đào tạo*	*10,32*			*10,32*		
5.3	*Đất dự án khu giáo dục tập trung*				*151,40*		
5.4	*Đất tôn giáo tín ngưỡng*	*9,00*			*9,00*		
A2	**Đất ngoài dân dụng**	**1.391,18**	**44,85**		**998,15**	**32,18**	
6	Đất công nghiệp	33,80	1,09		33,80	1,09	
7	Đất nghĩa trang	5,90	0,19		5,90	0,19	
8	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	48,90	1,58		73,33	2,36	
9	Đất an ninh quốc phòng	2,56	0,08		2,56	0,08	
10	Đất cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly vệ sinh	27,20	0,88		21,84	0,70	
11	Đất giao thông đối ngoại	104,93	3,38		104,93	3,38	
12	Đất nông nghiệp	412,10	13,28				
	Trong đó đất lúa nước	*412,10*					
13	Đất khác	755,79	24,36		755,79	24,36	
	Khu vực hành lang sông Hồng	*750,41*			*750,41*		
	Đất sông, hồ, mặt nước chuyên dùng	*5,38*			*5,38*		
B	**Đất khu vực nông thôn (hành lang xanh)**	**4.633,44**	**100,00**		**4.633,44**	**100,00**	
1	Đất làng xóm nông thôn (**)	766,27	16,54	107,37	766,27	16,54	116,79
2	Đất xây dựng cơ sở kinh tế kỹ thuật tạo thị	746,17			795,80		
2.1	Đất công trình công cộng	57,01	1,23	7,99	106,64	2,30	16,25
	Trong đó: Đất trường học (mầm non, tiểu học, THCS)	*19,27*			*19,27*		
	Đất trường THPT	*3,98*			*3,98*		
	Đất trung tâm giáo dục thường xuyên	*0,45*			*0,45*		
	Đất công trình công cộng khác	*15,96*			*15,96*		
	Đất dự án khu y tế tập trung				*49,63*		
	Đất y tế giáo dục tập trung của huyện	*17,35*			*17,35*		
2.2	Đất trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp	26,09	0,56		26,09	0,56	
2.3	Đất cây xanh - TDTT	97,20	2,10	13,62	97,20	2,10	14,81
2.4	Đất dành cho địa phương (***)	192,92	4,16		192,92	4,16	
2.5	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	207,78	4,48		207,78	4,48	

STT	Chức năng sử dụng đất	Quy hoạch đến năm 2020 (Dân số 182.079 người)			Quy hoạch đến năm 2030 (Dân số 183.000 người)		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m^2/người)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m^2/người)
	Đất xây dựng các cụm công nghiệp, TTCN	*31,91*			*31,91*		
	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khác	*175,87*			*175,87*		
2.6	Đất an ninh quốc phòng	6,59	0,14		6,59		
2.7	Đất có di tích danh thắng, tôn giáo tín ngưỡng	9,78	0,21		9,78	0,21	
2.8	Đất dự án trong phạm vi hành lang xanh (thực hiện riêng theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt)	43,05			43,05	0,93	
2.9	Đất giao thông	105,75	2,28	14,82	105,75	2,28	16,12
3	Đất phát triển du lịch sinh thái	135,67	2,93		135,67	2,93	
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	63,65	1,37		63,65	1,37	
5	Đất các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	63,09	1,36		63,09	1,36	
6	Đất nông nghiệp	1.606,80	34,68		1.557,17	33,61	
	Trong đó đất lúa nước	*772,32*			*722,69*		
7	Đất khác (sông và đất bãi bồi)	1.251,79	27,02		1.251,79	27,02	

- Ghi chú:

(*) Bao gồm cả đất dân cư làng xóm đô thị hóa, và đất đơn vị ở mới.

(**) Bao gồm đất các công trình công cộng, dịch vụ, thương mại, thiết chế văn hóa, trường học, cây xanh TDTT, giao thông nội bộ, đất ở làng xóm nông thôn....

(***) Quỹ đất dành phục vụ nhu cầu di dân, tái định cư, chuyển đổi nghề, bổ sung HTXH, HTKT,...

Các yêu cầu về sử dụng đất:

- Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của đồ án là chỉ tiêu gộp nhằm kiểm soát phát triển chung.

- Chỉ tiêu đất đơn vị ở và nhóm ở mới đảm bảo chỉ tiêu ≤50 m^2/người.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Huyện, tiếp tục thực hiện theo dự án đã được phê duyệt. Đối với các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt mà chưa thực hiện đầu tư xây dựng, cần được nghiên cứu xem xét điều chỉnh để phù hợp Quy hoạch chung xây dựng Huyện và tuân thủ các quy định hiện hành. Đối với các đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng, dự án đang nghiên cứu mà chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt, hoặc đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cần được nghiên cứu bổ sung để phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng này.

- Các khu vực hiện nay thuộc ranh giới quản lý hành chính của huyện Đan Phượng nằm trong ranh giới Quy hoạch phân khu đô thị S1, S2, GS, sông Hồng thì sẽ áp dụng theo đồ án "Quy hoạch phân khu đô thị S1, S2, GS và sông Hồng tỷ lệ 1/5.000, Quy

hoạch chung thị trấn Phùng đến năm 2030, tỷ lệ 1/5.000" để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ.

- Các khu vực đất ANQP được quản lý theo hiện trạng và quy hoạch đất ANQP được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Số liệu về đất nông nghiệp lúa nước tuân thủ theo Quyết định số 7966/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND Thành phố về việc duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Đan Phượng.

- Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất các loại đất khác sang đất an ninh quốc phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật. Quy mô diện tích, vị trí cụ thể sẽ được xác định trong giai đoạn lập quy hoạch, dự án đầu tư, đảm bảo phù hợp yêu cầu nhiệm vụ ANQP, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Huyện đã được phê duyệt.

- Đối với đất công trình di tích, tôn giáo, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh đã hoặc chưa được xếp hạng, việc lập dự án đầu tư cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới phải tuân thủ theo quy định, được cấp thẩm quyền phê duyệt; quy mô diện tích, vị trí cụ thể sẽ được xác định trong các giai đoạn tiếp theo khi được cấp thẩm quyền chấp nhận, đảm bảo phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Đối với các cụm sản xuất TTCN nghề (cụm công nghiệp làng nghề): Quy mô, vị trí sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Huyện đã được phê duyệt. Đối với các xã có nhu cầu mở rộng đất sản xuất TTCN, làng nghề lớn hơn so với quy hoạch chuyên ngành đã được duyệt thì tiếp tục nghiên cứu ở các giai đoạn quy hoạch và đầu tư dự án tiếp theo, đề xuất trong điều chỉnh quy hoạch ngành đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế địa phương nhằm ổn định đời sống an sinh xã hội.

5. Định hướng phát triển không gian:

5.1. Phân vùng phát triển không gian:

Định hướng phát triển không gian huyện Đan Phượng được định hình trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mô hình phát triển Huyện thay đổi căn bản về cấu trúc không gian. Toàn bộ không gian của Huyện chia thành hai phần bởi đường vành đai 4. Trong đó:

- Phần phía Đông Vành đai 4 (Gồm khu vực dân cư đô thị thuộc phân khu đô thị S1, S2, GS, sông Hồng) được xác định phát triển theo hướng đô thị, gắn với các dịch vụ công cộng chất lượng cao về y tế, giáo dục với tổng quy mô: 2522,62 ha.

- Phần phía Tây Vành đai 4 nằm trong khu vực Hành lang xanh của Thủ đô, được định hướng phát triển như sau:

+ Khu vực phát triển đô thị (Thị trấn Phùng và vùng phụ cận): Có quy mô 579,41ha, phát triển thành khu đô thị mang tính sinh thái, công nghệ cao gắn với trục phát triển mới Tây Thăng Long, đóng vai trò là trung tâm Huyện hỗ trợ phát triển vùng nông thôn.

+ Khu vực làng xóm, dân cư nông thôn thuộc Hành lang xanh: Gồm các làng xóm dân cư hiện hữu gắn với bảo tồn di tích lịch sử văn hóa và tiếp tục các hoạt động sản xuất TTCN. Định hướng phát triển khu vực nông thôn mới kết hợp với sinh thái nông nghiệp, khuyến khích phát triển các không gian nông nghiệp kết hợp với du lịch

sinh thái nông nghiệp như việc đưa du khách thăm quan các vùng sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển nông thôn mới các xã gắn với 19 tiêu chí nông thôn mới. Không gian kiến trúc làng xóm được cải tạo chỉnh trang, khuyến khích các kiến trúc đặc trưng kiến trúc Việt như nhà thấp tầng, có sân vườn, ao cá,... góp phần tạo hình ảnh nông thôn mới bên cạnh đó cũng lưu giữ được bản sắc văn hóa, kiến trúc địa phương. Đảm bảo tiêu chí không gian sống bền vững, sinh thái.

5.2. Định hướng phát triển đô thị:

Gồm một phần Phân khu đô thị S1, S2, GS, sông Hồng và thị trấn huyện lỵ Phùng:

- Khu vực thuộc Phân khu đô thị S1, S2, GS, sông Hồng:

+ Hình thành các trung tâm mới về thương mại, dịch vụ của đô thị. Tạo dựng đô thị cửa ngõ phía Tây Bắc của đô thị trung tâm.

+ Phát triển các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại gắn với cải tạo, chỉnh trang, xây dựng lại các khu ở hiện có, tạo dựng một phân khu đô thị hoàn chỉnh, đáp ứng các nhu cầu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

+ Tổ chức không gian cảnh quan của phân khu đô thị S1, S2 kết nối với không gian xanh của khu vực phân khu GS và không gian cảnh quan sinh thái của phân khu sông Hồng, tạo hướng không gian kiến trúc hiện đại. Hình thành các trục đô thị, trục cảnh quan và các không gian điểm nhấn trọng tâm, đảm bảo sự liên kết hài hòa với không gian xung quanh.

+ Hình thành đầu mối hạ tầng kỹ thuật, là đầu mối giao thông gắn với các trung tâm đô thị, đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng chung khu vực.

- Thị trấn Phùng và vùng phụ cận: Hình thành trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế thương mại, văn hóa, thể dục thể thao huyện Đan Phượng. Phát triển theo mô hình sinh thái mật độ thấp, mở rộng không gian về phía Đông Bắc và Tây Nam, gồm phần đất thuộc các xã Song Phượng, Đan Phượng, Thượng Mỗ, Tân Hội, kết nối với tuyến đường Tây Thăng Long. Duy trì cấu trúc truyền thống các khu dân cư hiện có, xác định các khu phát triển mới nhằm dãn dân, di dân trong các khu vực làng xóm, bổ sung quỹ đất bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ dân cư địa phương.

5.3. Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn:

Từng bước chuyển dịch nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa chất lượng cao cung ứng sản phẩm cho nhu cầu Thủ đô.

Cụm làng dọc bờ sông Hồng (thuộc các xã Hông Hà, Trung Châu A, Thọ Xuân, Thọ An, Trung Châu B) và các cụm làng dọc bờ sông Đáy (thuộc xã Phương Đình, Đồng Tháp, Song Phượng): Bảo tồn các giá trị làng nông nghiệp lâu đời. Phát triển dịch vụ, du lịch, giải trí sinh thái. Các khu vực làng xóm nằm ngoài đê, trong hành lang thoát lũ, dần từng bước di chuyển vào các khu di dân, tái định cư phía trong đê.

Cụm làng giáp với thị trấn Phùng (thuộc các xã Đan Phượng, Hạ Mỗ, Thượng Mỗ): Hình thành những khoảng không gian sinh thái ngăn cách với đô thị. Phát triển các tiện ích về không gian sinh thái nông nghiệp nông thôn, như nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, giải trí, ẩm thực...

5.4. Định hướng phát triển không gian xanh:

Không gian xanh của huyện Đan Phượng gồm: Vùng nông nghiệp sinh thái, mặt nước, công viên đô thị và không gian xanh trong các cụm làng.

Vùng sinh thái nông nghiệp chủ yếu nằm trong Hành lang xanh Thủ đô Hà Nội. Duy trì vùng trồng lúa, trồng màu, hoa, cây cảnh, vùng trồng cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản... phát triển nông nghiệp công nghệ cao đáp ứng nhu cầu thị trường.

Mặt nước: Giữ gìn và khôi phục hệ thống sông, hồ, đầm nước. Thiết lập hành lang bảo vệ hệ thống hồ và kênh rạch trong đô thị, trong các cụm làng tăng cường khả năng thoát nước đô thị và phát triển du lịch sinh thái.

Công viên đô thị: Xây dựng hệ thống công viên, vườn hoa theo quy hoạch đô thị được duyệt, như công viên văn hóa, giải trí, công viên chuyên đề..., phát triển các công viên vườn cây ăn quả, vườn cây kinh tế trong các đô thị sinh thái.

Không gian xanh trong các cụm làng: Duy trì các không gian trống như vườn hộ gia đình, ao, hồ, lạch nước, đất nông nghiệp xen kẹp phát triển mô hình kinh tế sinh thái để khai thác hiệu quả đất đai và kiểm soát mật độ xây dựng.

6. Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế:

6.1. Về công nghiệp và TTCN:

Các cụm TTCN làng nghề được định hướng phát triển theo quy hoạch chuyên ngành. Bảo tồn, phục hồi các làng nghề truyền thống,...Từng bước chuyển đổi sang mô hình TTCN sạch, phục vụ khu công nghệ cao.

6.2. Về du lịch:

Tập trung phát triển các loại hình du lịch: Du lịch văn hóa, lịch sử, cách mạng, tín ngưỡng, lễ hội; Du lịch vui chơi giải trí, văn hóa, thể thao; Du lịch sinh thái, nghỉ cuối tuần; Du lịch làng nghề và ẩm thực... Tập trung phát triển theo 3 tuyến chính: Tuyến sông Hồng; Tuyến sông Đáy; Tuyến sông Nhuệ cổ (dọc đê Tiên Tân).

Du lịch văn hóa gắn với thành cổ Ô Diên và đền thờ Danh nhân Tô Hiến Thành. Mở rộng lễ hội đền Văn Hiến tạo thành sự kiện văn hóa du lịch lớn có tầm cỡ của huyện Đan Phượng và thành phố Hà Nội; kết hợp khai thác các giá trị văn hóa lịch sử từ hệ thống các di tích lịch sử như đình Vạn Xuân, miếu Hàm rồng, đền Chính Khí, chùa Hải Giác (xã Hạ Mỗ)... Khôi phục các hoạt động tín ngưỡng lễ hội, biểu diễn nghệ thuật trong lễ hội theo hướng trình diễn các truyền thuyết, các sự kiện văn hóa gắn với khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Du lịch gắn với lịch sử văn hóa: Đình Đại Phùng, chùa Đại Phùng, Lăng Văn Sơn, Miếu Voi Phục... Du lịch lễ hội và văn hóa gắn với múa hát Chèo tàu, tượng, ca trù. Khôi phục và tiến hành tổ chức định kỳ trở thành một sự kiện văn hóa du lịch hấp dẫn khách. Sân khấu chèo tầu, tượng, hát ca trù tạo thành một hình thức biểu diễn nghệ thuật có thể khai thác đại trà.

Phát triển du lịch gắn với vui chơi giải trí, thể thao, nghệ thuật...: Định hướng phát triển các khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao, thưởng thức nghệ thuật tại trung tâm Huyện, thị trấn Phùng, dọc theo Quốc lộ 32 và các khu đô thị: Đan Phượng, Tân Lập...

Phát triển du lịch sinh thái: Phát triển các khu du lịch sinh thái khu vực đầm, hồ ven đê Tiên Tân, ven đê quai Liên Hồng, Liên Trung...

Phát triển du lịch làng nghề, ẩm thực: Khai thác văn hóa ẩm thực từ các món ăn, các sản vật địa phương để thu hút khách du lịch như nem Phùng, giò, chả Tân Hội,

rượu, đậu Hồng Hà, Hạ Mỗ. Phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ tại các làng nghề truyền thống như: Làng nghề chế biến lâm sản ở Liên Hà, Liên Trung, làng nghề sản xuất bánh kẹo ở Song Phượng, làng nghề sản xuất rượu đậu ở Hồng Hà, Hạ Mỗ; khôi phục nghề ren, dệt ở Hạ Mỗ, Tân Lập...

6.3. Về Thương mại - dịch vụ:

Phát triển hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị và cửa hàng gắn với hình thành các đô thị tại các phân khu đô thị S1, S2, thị trấn Phùng. Gắn với các trung tâm này là các điểm dịch vụ hỗ trợ bán lẻ, giải trí,.... và hệ thống dịch vụ đi cùng với phát triển nghề, làng nghề.

Đối với hệ thống chợ hiện có, có lộ trình, kế hoạch xóa bỏ chợ cóc, chợ tạm, xây dựng chợ mới phù hợp quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt.

6.4. Về Nông nghiệp:

Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng tiến bộ khoa học, đặc biệt là công nghệ sinh học. Đảm bảo an ninh lương thực, tạo nên các sản phẩm nông nghiệp đặc thù, chất lượng cao; Tiếp tục thực hiện tốt "dồn điền, đổi thửa" tạo ra những vùng chuyên canh quy mô lớn như lúa, rau an toàn, hoa, cây ăn quả...

7. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội:

7.1. Về Công trình hành chính, trụ sở cơ quan Huyện:

Tổ chức, quy hoạch các công trình hành chính, cơ quan công sở cấp huyện tại thị trấn Phùng; cải tạo và nâng cấp các công trình hiện có.

Nâng cấp các công trình cấp xã tại vị trí là các trung tâm xã với các cơ sở hiện trạng hiện có hoặc trung tâm cụm được xác định theo mô hình quy hoạch trung tâm cụm làng đối với các công trình xây mới.

7.2. Về Công trình văn hóa:

Xây dựng hệ thống thiết kế văn hóa phù hợp với đặc điểm văn hóa tại địa phương, gắn kết, khai thác và bảo vệ các công trình di tích văn hóa hiện hữu. Đối với các khu vực phát triển đô thị thì xây dựng hệ thống công trình văn hóa hiện đại, đa chức năng phục vụ chung cho toàn Huyện và các vùng phụ cận.

Bảo tồn và phát huy các hình thức văn hóa phi vật thể như hát chèo Tàu ở Tân Hội, các lễ hội cổ truyền như lễ hội thả diều và các lễ hội văn hóa gắn với các công trình tín ngưỡng tại các xã để tạo điều kiện cho người dân gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống và làm phong phú đời sống tinh thần cho nhân dân.

Duy tu, cải tạo và nâng cấp các công trình văn hóa tín ngưỡng, đặc biệt là các công trình đã được xếp hạng di tích.

Xây mới các công trình phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng tại các trung tâm xã hoặc trung tâm cụm.

7.3. Về giáo dục - đào tạo:

Các trường đại học, cao đẳng dự kiến xây dựng trong khu giáo dục tập trung phát triển theo dự án riêng.

Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và vật chất cho trung tâm dạy nghề, giới thiệu việc làm.

Giáo dục phổ thông: Đảm bảo các chỉ tiêu trường học các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông theo Quy hoạch mạng lưới trường học được duyệt.

7.4. Về Y tế:

Tổ hợp y tế khám chữa bệnh tại khu Y tế tập trung thực hiện theo dự án riêng.

Cơ sở y tế cấp huyện: Cải tạo nâng cấp Bệnh viện đa khoa Huyện, Trung tâm y tế Huyện và 15 trung tâm y tế xã. Hình thành tổ hợp bệnh viện đa khoa, trung tâm điều dưỡng chăm sóc người cao tuổi và Trường đại học đào tạo nhân lực cho ngành y tại xã Song Phượng. Tại các "cụm làng - trung tâm đổi mới" có thể hình thành các Phòng khám đa khoa tư nhân đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

8. Định hướng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường sắt:

+ Tuyến đường sắt Quốc gia vành đai phía Tây chạy dọc theo đường vành đai IV, trong phạm vi huyện Đan Phượng, dự kiến xây dựng ga Phùng (ga trung gian) bố trí gần thị trấn Phùng, phía Bắc trục đường Tây Thăng Long.

+ Tuyến đường sắt đô thị kết nối đô thị trung tâm với đô thị vệ tinh (tuyến đường sắt đô thị số 3 kéo dài Nhổn-Sơn Tây) dự kiến đi trên cao tại dải phân cách giữa của Quốc lộ 32. Đoạn qua huyện Đan Phượng dự kiến bố trí 02 ga đường sắt tại thị trấn Phùng ở các khu vực tập trung đông người, trung tâm thị trấn và có nhiều tiềm năng phát triển theo mô mình TOD.

Việc đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt Quốc gia và đường sắt đô thị sẽ được xác định cụ thể theo các dự án riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đường bộ:

+ Đường Vành đai 4: quy mô mặt cắt ngang rộng B=120m, bao gồm 6 làn xe cao tốc, đường song hành hai bên (2x3 làn xe) và hành lang để bố trí cây xanh, công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Quốc lộ 32: đoạn qua thị trấn Phùng có vai trò là đường trục chính, quy mô mặt cắt ngang rộng B=35m (4 làn xe cơ giới), gồm hai dải lòng đường xe chạy mỗi bên rộng 10,5m; dải phân cách giữa rộng 3,0m; hè đường mỗi bên rộng 5,5m. Khu vực nút giao Quốc lộ 32 với đường Vành đai IV, quy mô mặt cắt ngang được mở rộng từ B=35m lên thành B=50m để xây dựng cầu vượt, nút giao khác mức với đường Vành đai 4.

+ Đường trục Tây Thăng Long: đoạn phía Đông đường Vành đai 4 (đường chính đô thị) có quy mô mặt cắt rộng 60,5m (10 làn xe), đoạn phía Tây đường Vành đai 4 có quy mô mặt cắt ngang rộng 40m (6 làn xe, đường cấp I đồng bằng-đối với đoạn ngoài đô thị).

b) Các tuyến đường tỉnh, đường huyện:

Tuyến đường tỉnh 417: Cải tạo, nâng cấp đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III (2÷4 làn xe), đoạn từ đê Hữu Hồng về phía trục đường Tây Thăng Long được kéo dài theo hướng Bắc-Nam để nối với đường tỉnh 421, đường tỉnh 419 (trên địa bàn huyện Phúc Thọ) tạo thêm trục kết nối theo hướng Bắc-Nam, kết nối huyện Đan Phượng với các huyện, thị xã lân cận như Phúc Thọ, Sơn Tây. Tuyến đường 422 đoạn qua địa phận huyện Đan Phượng thuộc phạm vi phân khu đô thị S1, S2, GS sẽ được cải tạo, xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Các tuyến đường huyện (liên xã): cải tạo nâng cấp, xây mới đạt tiêu chuẩn đường cấp III÷IV (2÷4 làn xe), kết hợp với hệ thống đường tỉnh tạo thành khung giao thông chính trong Huyện, liên kết các khu vực nông thôn với các thị trấn, trung tâm cụm xã và các khu vực du lịch, dịch vụ.

Các đoạn tuyến qua khu dân cư tùy điều kiện hiện trạng sẽ xây dựng bổ sung hè và hệ thống thoát nước, chiếu sáng, đáp ứng nhu cầu giao thông và sự phát triển kinh tế, xã hội của Huyện.

c) Các tuyến đường trong khu vực phát triển đô thị:

Các tuyến đường trong khu vực thị trấn Phùng và trong khu vực đô thị trung tâm phía Đông đường Vành đai 4 được xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị và được thực hiện theo các đồ án quy hoạch chung, phân khu đô thị được phê duyệt.

d) Giao thông đường thủy:

Khai thông luồng lạch để khai thác tối đa các tuyến vận tải trên sông Hồng, sông Đáy. Xây dựng cảng Tiên Tân-Hồng Hà (công suất khoảng 1÷2 triệu tấn/năm theo Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội) để phục vụ nhu cầu giao thông đường thủy, phát triển kinh tế của địa phương và khu vực.

đ) Giao thông công cộng:

Tập trung phát triển hệ thống xe buýt, liên kết các khu vực thị trấn, trung tâm cụm xã, khu du lịch, dịch vụ quan trọng để khai thác tối đa tiềm năng của Huyện.

e) Bến, bãi đỗ xe:

Bến xe khách liên tỉnh cấp thành phố xây dựng tại khu vực nút giao Quốc lộ 32 với đường Vành đai 4, có quy mô khoảng 8ha÷10ha (cơ bản nằm trên địa bàn huyện Hoài Đức).

Xây dựng bến xe tải Phùng (Bến xe tải phía Tây Bắc theo Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội) tại khu vực nút giao đường Tây Thăng Long với đường Vành đai 4, quy mô khoảng 6ha (bao gồm 4,5ha bến và 1,5ha bãi, kho tàng).

Xây dựng mới bến xe khách kết hợp trung chuyển xe buýt phục vụ cho thị trấn Phùng quy mô khoảng 3ha, nằm giáp phía Nam Quốc lộ 32 thuộc xã Đồng Tháp, phía Tây thị trấn (bến xe Phùng cũ chuyển đổi thành bãi đỗ xe công cộng kết hợp điểm dừng đỗ xe buýt). Xây dựng 02 bến xe kết hợp điểm đầu cuối xe buýt tại xã Tân Lập, Thọ An quy mô diện tích khoảng 0,5ha÷1ha.

Bãi đỗ xe: trong khu vực phát triển đô thị (phân khu đô thị S1, S2, GS và thị trấn Phùng) các bãi đỗ xe công cộng tập trung, được xác định theo các quy hoạch đô thị được phê duyệt. Các trung tâm dân cư khu vực nông thôn, xây dựng bãi đỗ xe tập trung phục vụ yêu cầu sản xuất và sinh hoạt (được xác định theo các quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt).

g) Cầu qua sông:

Cầu Phùng qua sông Đáy; xây dựng mới cầu Hồng Hà trên đường Vành đai 4 qua sông Hồng.

h) Các nút giao thông:

Xây dựng các nút giao khác mức giữa đường Vành đai 4 với Quốc lộ 32, đường Tây Thăng Long, đường N2. Các nút giao thông khác chủ yếu giao cùng mức.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) Cao độ nền xây dựng:

- Khu vực phía Đông đường Vành đai 4: cao độ san nền từ 6,7m÷11,5m, xác định cụ thể theo các Quy hoạch phân khu đô thị S1, S2 và GS được UBND Thành phố phê duyệt.

- Khu vực phía Tây đường vành đai 4:

+ Khu vực trong đê hữu Hồng, đê Tiên Tân và đê Tả Đáy: cao độ san nền từ 7,5m÷13m phù hợp với cao độ nền hiện trạng khu vực dân cư hiện có và cao độ hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Khu vực giới hạn bởi đê Tiên Tân và đê La Thạch: cao độ san nền khoảng từ 9,1m÷12m phù hợp với cao độ nền hiện trạng khu vực dân cư và hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Khu vực ngoài đê La Thạch và đê Tả Đáy: giữ nguyên cao độ hiện có của khu vực, việc san nền trong khu vực này khi xây dựng, cải tạo công trình cần được sự chấp thuận của cơ quan quản lý đê điều để đảm bảo không gian chứa lũ, thoát lũ.

+ Khu vực ngoài đê Hữu Hồng: cơ bản nằm trong hành lang thoát lũ sông Hồng, được thực hiện theo Quy hoạch Phòng chống lũ cho các tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009.

b) Thoát nước:

- Khu vực phía Đông đường vành đai 4: tiêu thoát nước ra sông Nhuệ và sông Hồng, gồm 2 lưu vực:

+ Lưu vực 1 (phía Nam đường Tây Thăng Long): thoát vào kênh tiêu ra sông Nhuệ. Khi mực nước sông Nhuệ cao hơn 5,5m, lưu vực đổ vào sông Pheo thoát ra sông Hồng qua trạm bơm Liên Trung.

+ Lưu vực 2 (phía Bắc đường Tây Thăng Long gồm khu vực đô thị S1, một phần các xã Liên Trung, Liên Hà): khi mực nước sông Nhuệ nhỏ hơn +5,50m, toàn bộ lưu vực tiêu tự chảy qua hệ thống sông Đăm, sông Pheo thoát vào sông Nhuệ; khi mực nước sông Nhuệ cao hơn +5,50m, lưu vực sẽ được tiêu nước vào sông Hồng thông qua trạm bơm Liên Trung.

- Khu vực phía Tây đường vành đai 4: tiêu thoát nước ra sông Hồng và sông Đáy, gồm 5 lưu vực:

+ Lưu vực 3 (phía ngoài đê Tả Đáy và phía Nam Quốc lộ 32, phía Tây Nam thị trấn Phùng): tiêu nước cho lưu vực xã Đồng Tháp và 1 phần xã Song Phượng, theo kênh tiêu thoát về sông Đáy.

+ Lưu vực 4 (phía trong đê Hữu Hồng, đê Tiên Tân và đê Tả Đáy): gồm thị trấn Phùng và một phần các xã Đan Phượng, Thượng Mỗ, Hạ Mỗ, Trung Châu B, Hồng Hà, tiêu vào tuyến kênh Đan Hoài thoát ra sông Đáy.

+ Lưu vực 5 (phía trong đê Hữu Hồng, đê Tiên Tân và đê La Thạch): bao gồm các xã Thọ Xuân, Phượng Đình, một phần phía Tây thị trấn Phùng và một phần các xã Thượng Mỗ, Trung Châu, thoát nước vào các trục tiêu nội đồng rồi thoát ra sông Đáy.

+ Lưu vực 6 (phía ngoài đê La Thạch): gồm một phần xã Trung Châu A, Thọ An, Phượng Đình thoát ra sông Đáy.

+ Lưu vực 7 (phía ngoài đê Hữu Hồng): gồm một phần xã Trung Châu A, B, Thọ An, Thọ Xuân, Hồng Hà, thoát ra sông Hồng.

- Cao độ mực nước tại trạm bơm Liên Trung: khi mực nước sông Nhuệ cao hơn +5,50m, trạm bơm Liên Trung hoạt động, đảm bảo cân bằng mực nước trong khu vực, phù hợp với cao độ khu vực dân cư làng xóm hiện hữu, lựa chọn cao độ mực nước lớn nhất tại trạm bơm Liên trung là +5,7m÷5,8m.

- Hệ thống thoát nước trong các khu vực phát triển đô thị: xác định cụ thể theo các Quy hoạch phân khu đô thị S1, S2, GS, Quy hoạch chung thị trấn Phùng được duyệt.

8.3. Cấp nước:

a) Nguồn cấp:

Huyện Đan Phượng được định hướng cấp nước từ Nhà máy nước mặt sông Hồng tại xã Liên Hồng và Liên Hà, huyện Đan Phượng với quy mô công suất đến năm 2020 là 300.000m^2/ngđ; đến năm 2030 là 450.000m^3/ngđ; đến năm 2050 là 600.000m^3/ngđ.

Tổng nhu cầu cấp nước của Huyện là khoảng 58.700m^3/ngđ.

b) Mạng lưới cấp nước:

- Xây dựng mạng lưới cấp nước truyền dẫn D300 đến D1500 và mạng lưới cấp nước phân phối từ D150 đến D250 trong khu vực phát triển đô thị theo đồ án Quy hoạch chung thị trấn Phùng và Quy hoạch phân khu đô thị S1, S2 và phân khu đô thị được duyệt.

- Xây dựng tuyến truyền dẫn D600 dọc Quốc lộ 32 kết nối mạng lưới cấp nước trong khu vực phát triển đô thị, cấp nước cho khu vực thị trấn Phùng và huyện Phúc Thọ...

- Mạng lưới cấp nước ngoài khu vực phát triển đô thị: Xây dựng hệ thống mạng lưới cấp nước phân phối chính từ D100 đến D300 trên các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ đảm bảo cấp nước tới các khu vực dân cư đô thị và nông thôn trong Huyện.

c) Cấp nước chữa cháy:

Hệ thống mạng lưới cấp nước được tính toán cho cấp nước sinh hoạt và chữa cháy. Các trụ cứu hỏa được đấu nối với mạng lưới cấp nước có đường kính từ D100 trở lên, vị trí của các họng cứu hỏa sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và thiết kế mạng lưới cứu hỏa của khu vực được cấp thẩm quyền phê duyệt.

8.4. Cấp điện:

a) Nguồn điện:

Tổng nhu cầu cấp điện của huyện Đan Phượng là khoảng 142.610KW.

Xây dựng trạm 500/220KV Đan Phượng với công suất 2x600MVA và trạm 220/110KV với công suất 2x250MVA theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội đã được phê duyệt.

Khu vực nằm trong vành đai 4 (thuộc phân khu đô thị S1, S2 và GS đã được duyệt) được định hướng cấp nguồn từ trạm 110/22KV Đan Phượng, công suất 2x40MVA; trạm 110/22KV Phùng, công suất 2x63MVA.

Khu vực thị trấn Phùng và khu vực nông thôn còn lại được cấp nguồn từ trạm 110/22KV thị trấn Phùng, công suất 2x40MVA và trạm 110/22KV nối cấp trạm 220KV Đan Phượng với công suất 2x40MVA.

b) Lưới điện:

Lưới điện 500KV từ trạm 500KV Sơn La đến trạm 500KV Đan Phượng đi trạm 500KV Quốc Oai.

Lưới điện 220KV từ trạm 220KV Đan Phượng với các trạm 220KV trong khu vực (trạm Chèm, Quốc Oai, Phúc Thọ, Vân Trì).

Xây dựng các tuyến 110KV kết nối các trạm 110KV trong khu vực dọc các tuyến đường giao thông.

Lưới điện nằm trong khu vực phát triển đô thị sử dụng cáp ngầm; ngoài khu vực phát triển đô thị sẽ dùng đường dây nổi.

Cải tạo nâng cấp tuyến 110KV Phúc Thọ - Chèm hiện có. Đoạn nằm trong khu vực phát triển đô thị sẽ di chuyển hạ ngầm theo hành lang đường quy hoạch. Đoạn ngoài khu vực phát triển đô thị, tùy theo từng trường hợp cụ thể có thể nâng cột, sử dụng cột trụ đảm bảo mỹ quan.

Lưới điện trung thế: Kết cấu mạng vòng vận hành hở đảm bảo cấp điện an toàn và liên tục tới các phụ tải, cụ thể:

- Khu vực phát triển đô thị: Các tuyến đường dây nổi hiện có sẽ vẫn được sử dụng, sẽ được lập dự án hạ ngầm khi có điều kiện kinh tế. Các tuyến đường dây xây dựng mới sẽ được đi ngầm.

- Khu vực ngoại thị, các xã nông thôn và các khu công nghiệp sử dụng đường dây nổi. Các tuyến đường dây 35K, 10KV hiện có sẽ cải tạo để vận hành ở điện áp chuẩn 22KV.

Trạm biến áp phân phối:

- Các trạm biến áp phân phối xây dựng mới trong khu vực đô thị và thị trấn Phùng sử dụng loại trạm kín kiểu Kiốt hoặc trạm xây. Khu vực ngoại thị, xã nông thôn, trạm biến thế phân phối vẫn có thể dùng trạm hở kiểu trạm treo. Vị trí, quy mô công suất các trạm phân phối sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn đầu tư xây dựng.

- Các trạm biến áp phân phối hiện có sử dụng cấp điện áp 35(10)/0,4KV sẽ được cải tạo thay thế về cấp điện áp 22/0,4KV.

8.5. Thông tin liên lạc:

Khu vực Đông đường Vành đai 4, hệ thống thông tin liên lạc được thực hiện theo đồ án Quy hoạch phân khu đô thị S1, S2 và GS được phê duyệt.

Khu vực phía Tây đường Vành đai 4 được cung cấp thông tin liên lạc từ các trạm: Trung Châu A 5000line; Thọ An 6000line; Thọ Xuân 7000line; Trung Châu B 3000line; Hồng Hà 7000line; Phương Đình 8000line; Thượng Mỗ 6000line; Hạ Mỗ 5000line; Đan Phượng 9000line; Đồng Tháp 9000line; Song Phượng 7000line; Trạm vệ tinh thị trấn Phùng 15000line.

Xây dựng các tuyến cáp quang, cáp trục trên các tuyến đường quy hoạch đấu nối các tổng đài vệ tinh và các trạm thông tin liên lạc.

Tổ chức mạng thông tin liên lạc thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện có để đáp ứng chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu, truy nhập Internet và mạng truyền thanh, truyền hình.

8.6. Thoát nước thải và Vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải là hệ thống hỗn hợp: khu vực phát triển đô thị xây dựng mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng; khu vực dân cư, làng xóm hiện có sử dụng hệ thống thoát nước chung kết hợp với hệ thống cống bao tách nước thải thoát về trạm xử lý nước thải của khu vực.

Nước thải công nghiệp, y tế và làng nghề được xử lý riêng đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực

Khu vực phía Đông đường Vành đai 4: mạng lưới thoát nước thải được xác định theo các đồ án Quy hoạch phân khu đô thị S1, S2, GS được phê duyệt. Nước thải thoát về các trạm xử lý nước thải tập trung của Thành phố bao gồm:

- Trạm xử lý nước thải Tây sông Nhuệ: công suất dự kiến đến năm 2030 khoảng 65.000m^3/ng.đ, diện tích khoảng 6,5ha, xây dựng tại khu đất giáp phía Tây sông Nhuệ thuộc quận Bắc Từ Liêm.

- Nhà máy xử lý nước thải Tân Hội: công suất dự kiến đến năm 2030 khoảng 50.000m^3/ng.đ, diện tích khoảng 5ha, xây dựng trong khu vực nêm xanh thuộc xã Tân Hội.

- Nhà máy xử lý nước thải Đức Thượng: công suất dự kiến đến năm 2030 khoảng 30.300m^3/ng.đ, diện tích khoảng 3ha, xây dựng trong khu vực cây xanh hồ điều hòa thuộc xã Đức Thượng.

- Nhà máy xử lý nước thải Lại Yên: công suất dự kiến đến năm 2030 khoảng 44.400m^3/ng.đ, diện tích khoảng 4,5ha, xây dựng trong khu vực cây xanh hồ điều hòa thuộc xã Lại Yên.

Khu vực phía Tây đường Vành đai 4: xây dựng tại thị trấn Phùng và mỗi xã 01 trạm xử lý nước thải để xử lý nước thải phát sinh trong phạm vi đơn vị hành chính cấp xã. Hệ thống thoát nước thải, vị trí, quy mô công suất các trạm xử lý được xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch nông thôn mới, Quy hoạch chung thị trấn Phùng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Nước thải từ các công trình xây dựng phải được xử lý sơ bộ trước khi xả ra cống nhánh, đưa về các trạm xử lý.

b) Vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn:

+ Xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung tại xã Phương Đình với quy mô khoảng 5ha; bãi đổ vật liệu xây dựng tại xã Trung Châu khoảng 9ha.

+ Rác thải phải được thu gom và phân loại ngay tại nguồn. Rác thải khu vực đô thị, thị trấn Phùng được thu gom và vận chuyển trong ngày đến khu vực xử lý chất thải rắn của Thành phố và của Huyện.

+ Rác thải nông thôn: khuyến khích xử lý theo dạng bể bioga tại các gia đình, để xử lý chất thải và đáp ứng một phần nhu cầu về năng lượng sinh hoạt. Xây dựng tại mỗi xã từ 1÷2 điểm trung chuyển tập kết rác thải để đưa về trạm xử lý rác thải của Huyện. Vị trí cụ thể sẽ được xác định trong đồ án quy hoạch nông thôn mới được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Hệ thống nghĩa trang:

+ Xây dựng mới nghĩa trang tập trung của Huyện tại xã Hồng Hà với quy mô khoảng 30ha theo Quy hoạch Nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Nhu cầu an táng mới được giải quyết tại nghĩa trang tập trung của Thành phố và của Huyện. Tại khu vực nông thôn, khi nghĩa trang tập trung của Huyện chưa được xây dựng, nhu cầu an táng mới được thực hiện tại các nghĩa trang hiện có, đảm bảo khoảng cách ly, điều kiện vệ sinh môi trường xác định trong đồ án quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

+ Đối với các nghĩa trang hiện có trên địa bàn Huyện: cần có lộ trình đóng cửa, xây dựng tường rào, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, dừng an táng, trồng cây xanh cách ly phù hợp với tiến độ xây dựng nghĩa trang tập trung của Huyện. Khi có nhu cầu lấy đất để xây dựng theo quy hoạch sẽ được di chuyển đến nghĩa trang tập trung của Huyện. Việc tồn tại các nghĩa trang hiện có cần đảm bảo khoảng cách ly và điều kiện an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Tạo hành lang bảo vệ sông, hồ. Cấm mọi hình thức xả thải không qua xử lý trực tiếp ra nguồn.

Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn: Trồng cây xanh cách ly quanh khu vực bến xe, trạm xử lý nước thải, các cụm công nghiệp …

Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất: Sử dụng đất một cách hợp lý, phân đợt đầu tư, khi chưa có kế hoạch phát triển cần khai thác tiếp tục diện tích đất lúa.

Giảm thiểu ảnh hưởng tai biến môi trường; Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường.

Các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Huyện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật.

10. Quy hoạch đợt đầu - giai đoạn đến năm 2020:

Đáp ứng nhu cầu triển khai đầu tư của các dự án đã có và các yêu cầu bức thiết về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Xây dựng các dự án hạ tầng khung, công trình đầu mối cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong dài hạn và yêu cầu phát triển cơ sở hạ tầng chung của Thủ đô trong giai đoạn ngắn hạn.

Tạo tiền đề để thu hút các dự án trọng điểm, dự án thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực.

Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đan Phượng trong giai đoạn đầu.

a) Các chương trình ưu tiên đầu tư:

- Chương trình phát triển hệ thống hạ tầng khung Huyện gắn với mạng lưới hạ tầng chung của Thủ đô Hà Nội.

- Chương trình phát triển đô thị gắn với việc chuẩn bị các tiền đề hỗ trợ hình thành các đô thị thuộc phân khu đô thị S1, S2, GS, sông Hồng và thị Trấn Phùng trên địa bàn Huyện.

- Chương trình phát triển nông thôn gắn với nông thôn mới.

- Chương trình cải tạo chất lượng môi trường đô thị, nông thôn Huyện.

- Chương trình bảo vệ và phát huy các giá trị cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử, văn hóa dân gian tại địa phương, văn hóa cộng đồng.

b) Các dự án ưu tiên:

- Xây dựng hệ thống các quy hoạch, quy chế, quy định kiểm soát phát triển và chương trình phát triển đô thị, nông thôn Huyện theo các giai đoạn.

- Các dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Các dự án hạ tầng giao thông.

- Các dự án thủy lợi.

- Các dự án hạ tầng kỹ thuật điện, nước.

- Các dự án đầu tư phát triển đô thị thuộc phân khu đô thị S1, S2, GS, sông Hồng và thị trấn Phùng.

- Các dự án quy hoạch các khu, cụm tiểu thủ công nghiệp.

- Các dự án ứng dụng công nghệ thông tin.

- Các dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp.

- Các dự án phát triển làng nghề.

- Các dự án bảo vệ môi trường.

- Các dự án phát triển Thương mại - Dịch vụ - Du lịch.

- Các dự án văn hóa - xã hội.

11. Quy định quản lý:

Việc quản lý quy hoạch đô thị, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng công trình cần tuân thủ quy hoạch và "Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000" được ban hành kèm theo hồ sơ quy hoạch này. Ngoài ra còn phải tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố; Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai quy hoạch xây dựng có thể áp dụng các Tiêu chuẩn, Quy phạm nước ngoài và phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc chịu trách nhiệm: kiểm tra, ký xác nhận hồ sơ, bản vẽ Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng theo đúng quy định, phù hợp với nội dung Quyết định này; Chủ trì phối hợp với UBND huyện Đan Phượng tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 và Quy định quản lý được duyệt để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện; lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định.

UBND huyện Đan Phượng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Các Sở, Ban, ngành liên quan có trách nhiệm giám sát, phối hợp với UBND huyện Đan Phượng trong quá trình thực hiện đầu tư, xây dựng đảm bảo theo đúng quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch-Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; Công an Thành phố; Bộ Tư lệnh Thủ đô; Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Đan Phượng; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thế Thảo

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- VPUBTP: Các PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, QH$_{\text{nâng}}$.